

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118 của Luật Hôn nhân
và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý
và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ
ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số B132 đường N, Phường 18, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 1991/59E đường L, tổ 4, ấp 4 xã Nhơn
Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 150/27 đường Trần Tuấn Khải, Phường 5,
Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 863/57 đường T, phường T, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông N và bà T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn
nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2020 (Theo Giấy chứng
nhận kết hôn số 25 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ
Chí Minh ngày 11 tháng 5 năm 2020).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu
thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung. Mặc dù ông bà đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả.

Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông N và bà T có 02 con chung tên: Nguyễn Trần P L, sinh ngày 20/02/2018 và Nguyễn Trần B L, sinh năm 07/7/2020 cả hai thỏa thuận giao con cho bà Tâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Anh cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền là 2.000.000/ tháng (Hai triệu đồng/ 1 tháng/ 1 con). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5/2022. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái pháp luật nên Tòa án ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T xác nhận không có nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về lệ phí: Ông N và bà T chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà T thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 5 năm 2020).

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên: Nguyễn Trần P L, sinh ngày 20/02/2018 và Nguyễn Trần B L, sinh năm 07/07/2020 giao 02 (hai) con chung cho bà Tâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông N cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền là 2.000.000/ tháng (Hai triệu đồng/ 1 tháng/ 1 con). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông N và bà T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0014123 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (TK.Đức).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Phương